



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NAVIBANK**

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
đã được soát xét*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-27
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-27



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 05 năm 2008, số 233/UBCK-GP ngày 27 tháng 04 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 05 năm 2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 08 năm 2011 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên
Ông Lê Quang Trí	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đặng Đức Thiện	Trưởng ban
--------------------	------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Ngọc Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Chúng tôi đã soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 .

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán Số: 0063-2013-002-1

Kiểm toán viên



Lê Đức Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán Số: 1628-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		190.681.745.862	301.661.629.781
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	19.273.249.762	63.962.748.404
111	1. Tiền		19.273.249.762	63.962.748.404
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	9.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	9.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	170.809.031.109	228.370.204.828
131	1. Phải thu của khách hàng		16.216.943.108	7.390.731.062
132	2. Trả trước cho người bán		876.124.994	518.433.980
138	5. Các khoản phải thu khác		154.518.372.408	221.070.213.752
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(802.409.401)	(609.173.966)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		599.464.991	328.676.549
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		372.065.876	165.033.939
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	14.282.549
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	6	11.676.162	12.192.017
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	215.722.953	137.168.044
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.092.016.798	9.237.593.160
220	II. Tài sản cố định		4.685.187.093	6.705.293.795
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	3.329.843.712	4.894.482.232
222	- Nguyên giá		10.375.638.220	11.723.634.057
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.045.794.508)	(6.829.151.825)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	1.355.343.381	1.810.811.563
228	- Nguyên giá		4.478.710.225	4.511.694.625
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.123.366.844)	(2.700.883.062)
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.406.829.705	2.532.299.365
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.532.333.277	1.280.289.662
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	11	1.042.780.048	410.293.323
268	4. Tài sản dài hạn khác		831.716.380	841.716.380
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		198.773.762.660	310.899.222.941

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		77.315.000.597	188.006.033.365
310	I. Nợ ngắn hạn		77.315.000.597	114.137.757.065
312	2. Phải trả người bán		31.657.001	5.458.500
313	3. Người mua trả tiền trước		40.000.000	40.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	224.406.723	41.957.466
316	6. Chi phí phải trả	13	780.045.115	463.603.673
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	76.238.891.758	113.586.737.426
330	II. Nợ dài hạn		-	73.868.276.300
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	73.868.276.300
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		121.458.762.063	122.893.189.576
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	121.458.762.063	122.893.189.576
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	161.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(39.541.237.937)	(38.106.810.424)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		198.773.762.660	310.899.222.941



11/1/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
006	6. Chứng khoán lưu ký		2.542.871.070.000	2.298.426.940.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		1.560.354.630.000	1.715.663.720.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		1.560.354.630.000	1.715.663.720.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		1.085.340.000	1.113.710.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		1.085.340.000	1.113.710.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		971.142.540.000	504.699.210.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		971.142.540.000	504.699.210.000
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ		-	76.950.300.000
024	- Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước		-	76.950.300.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		9.944.700.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		9.944.700.000	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		343.860.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		343.860.000	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		5.165.820.000	4.851.580.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		5.165.820.000	4.851.580.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		5.165.820.000	4.851.580.000
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		-	2.250.000

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập

TP. Tài chính - Kế toán



Nguyễn Thanh Minh



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Phạm Ngọc Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
 HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	16	9.435.005.446	16.384.563.893
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		4.533.369.399	3.543.824.521
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		-	4.242.418.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		573.679.962	-
01.9	Doanh thu khác		4.327.956.085	8.598.321.372
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16	9.435.005.446	16.384.563.893
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	4.867.429.734	9.210.671.959
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		4.567.575.712	7.173.891.934
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	5.964.277.828	6.696.580.936
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.396.702.116)	477.310.998
31	8. Thu nhập khác		2.277.191	15.062.473.970
32	9. Chi phí khác		40.002.588	15.062.224.164
40	10. Lợi nhuận khác		(37.725.397)	249.806
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.434.427.513)	477.560.804
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(1.434.427.513)</u>	<u>477.560.804</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	(89)	30

Người lập

TP. Tài chính - Kế toán



Nguyễn Thanh Minh



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013



Phạm Ngọc Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.434.427.513)	477.560.804
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.569.694.722	1.585.866.328
03	- Các khoản dự phòng		193.235.435	539.423.866
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.103.316.466)	(7.739.488.091)
06	- Chi phí lãi vay		14.281.474	5.207.534.628
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.760.532.348)	70.897.535
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		56.720.886.454	337.946.902.102
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(36.822.756.468)	(375.360.789.334)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		135.531.428	59.196.774
13	- Tiền lãi vay đã trả		(14.281.474)	(4.884.867.960)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.000.000	15.062.473.970
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(73.868.276.300)	(16.078.638.611)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(57.599.428.708)	(43.184.825.524)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(144.195.000)	(137.817.273)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.054.125.066	13.956.788.453
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.909.930.066	13.818.971.180
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(44.689.498.642)	(29.365.854.344)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		63.962.748.404	119.438.199.623
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>19.273.249.762</u>	<u>90.072.345.279</u>

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập

TP. Tài chính - Kế toán



Nguyễn Thanh Minh



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Phạm Ngọc Thắng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	-	-	161.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(38.106.810.424)	(1.434.427.513)	-	(39.541.237.937)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	122.893.189.576	(1.434.427.513)	-	121.458.762.063

6 tháng đầu năm 2012	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	-	-	161.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(36.112.566.100)	477.560.804	-	(35.635.005.296)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	124.887.433.900	477.560.804	-	125.364.994.704

Người lập



Nguyễn Thanh Minh

TP. Tài chính - Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc

Phạm Ngọc Thắng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 05 năm 2008, số 233/UBCK-GP ngày 27 tháng 04 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 05 năm 2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 08 năm 2011 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 161.000.000.000 đồng; tương đương 16.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	05-06 năm
- Thiết bị văn phòng	05-07 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

VIỆT
CÔNG T
NHIỆM H
KIỂM
AS
KIỂM - T

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của người đầu tư	266.982.499	2.656.343.032.000
- Cổ phiếu	266.982.499	2.656.343.032.000
	<u>266.982.499</u>	<u>2.656.343.032.000</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	21.366.000	104.659.000
Tiền gửi ngân hàng	209.925.642	272.173.064
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	19.041.958.120	63.585.916.340
	<u>19.273.249.762</u>	<u>63.962.748.404</u>

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	7.390.731.062	240.200.000	-	641.130.952.574	632.304.740.528	16.216.943.108	240.200.000	-	(140.200.000)
- Phải thu dịch vụ tư vấn	240.200.000	240.200.000	-	-	-	240.200.000	240.200.000	-	(140.200.000)
- Phải thu nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	7.034.733.833	-	-	640.543.067.946	631.965.180.779	15.612.621.000	-	-	-
- Phải thu phí lưu ký chứng khoán	115.797.229	-	-	587.884.628	339.559.749	364.122.108	-	-	-
Trả trước cho người bán	518.433.980	471.130.240	47.303.740	668.251.041	310.560.027	876.124.994	-	518.433.980	(518.433.980)
- Công ty CP Quảng cáo Hoài Nhung	13.031.040	-	13.031.040	-	-	13.031.040	-	13.031.040	(13.031.040)
- Công ty TNHH TM & Đầu tư Công nghệ Việt	471.130.240	471.130.240	-	-	-	471.130.240	-	471.130.240	(471.130.240)
- Công ty TNHH Du lịch Sao đất Việt	34.272.700	-	34.272.700	-	-	34.272.700	-	34.272.700	(34.272.700)
- Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ TTC Việt Nam	-	-	-	42.000.000	-	42.000.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	-	-	596.575.995	310.560.027	286.015.968	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long	-	-	-	29.675.046	-	29.675.046	-	-	-
Các khoản phải thu khác	221.070.213.752	197.041.330	-	651.945.885.832	718.497.727.176	154.518.372.408	-	143.775.421	(143.775.421)
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	173.068.276.300	-	-	-	73.868.276.300	99.200.000.000	-	-	-
- Phải thu sản phẩm dịch vụ gia tăng	47.742.686.515	53.265.909	-	267.570.350.152	315.313.036.667	-	-	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	-	-	-	383.311.985.883	328.322.953.496	54.989.032.387	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	115.475.107	-	-	1.063.518.797	993.429.304	185.564.600	-	-	-
- Phải thu khác	143.775.830	143.775.421	-	31.000	31.409	143.775.421	-	143.775.421	(143.775.421)
	228.979.378.794	908.371.570	47.303.740	1.293.745.089.447	1.351.113.027.731	171.611.440.510	240.200.000	662.209.401	(802.409.401)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(*) Số dư phản ánh khoản tiền hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank với các đối tác để đầu tư kinh doanh chứng khoán. Trường hợp hợp tác kinh doanh có lãi, lợi nhuận được chia đều cho 02 (hai) bên. Trường hợp hợp tác kinh doanh lỗ hoặc hòa vốn, bên đối tác hợp tác kinh doanh phải thanh toán cho Công ty toàn bộ số tiền vốn góp và chịu mọi tổn thất có thể phát sinh. Bao gồm:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ông Phạm Khánh Duy	19.200.000.000	93.068.276.300
Bà Phạm Thị Lê	40.000.000.000	40.000.000.000
Bà Sầm Thị Hương	40.000.000.000	40.000.000.000
	99.200.000.000	173.068.276.300

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	4.675.113	-
Thuế Thu nhập cá nhân	7.001.049	12.192.017
	11.676.162	12.192.017

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	78.554.909	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	137.168.044	137.168.044
	215.722.953	137.168.044

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý khác	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	1.338.203.819	10.385.430.238	11.723.634.057
Mua sắm mới	-	144.195.000	144.195.000
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	-	(1.492.190.837)	(1.492.190.837)
Số dư cuối kỳ	1.338.203.819	9.037.434.401	10.375.638.220
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	543.456.915	6.285.694.910	6.829.151.825
Trích khấu hao	111.515.484	1.007.194.984	1.118.710.468
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	-	(902.067.785)	(902.067.785)
Số dư cuối kỳ	654.972.399	6.390.822.109	7.045.794.508
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	794.746.904	4.099.735.328	4.894.482.232
Số dư cuối kỳ	683.231.420	2.646.612.292	3.329.843.712

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	4.511.694.625	4.511.694.625
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(32.984.400)	(32.984.400)
Số dư cuối kỳ	<u>4.478.710.225</u>	<u>4.478.710.225</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	2.700.883.062	2.700.883.062
Trích khấu hao	450.984.254	450.984.254
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(28.500.472)	(28.500.472)
Số dư cuối kỳ	<u>3.123.366.844</u>	<u>3.123.366.844</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu kỳ	<u>1.810.811.563</u>	<u>1.810.811.563</u>
Số dư cuối kỳ	<u><u>1.355.343.381</u></u>	<u><u>1.355.343.381</u></u>

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	506.346.386	26.413.716
Chi phí thi công nội thất văn phòng	840.349.560	1.125.676.092
Chi phí trả trước dài hạn khác	185.637.331	128.199.854
	<u>1.532.333.277</u>	<u>1.280.289.662</u>

11 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	823.679.323	236.888.367
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	99.100.725	53.404.956
Số dư cuối kỳ	<u>1.042.780.048</u>	<u>410.293.323</u>

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.414.694
Thuế Thu nhập cá nhân	224.406.723	39.542.772
	<u>224.406.723</u>	<u>41.957.466</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí thuê nhà	346.975.477	86.237.321
Chi phí phải trả các sở giao dịch chứng khoán	239.967.834	216.992.005
Chi phí đường truyền trang web	47.391.500	29.686.411
Trích trước chi phí điện nước	78.522.878	30.922.433
Chi phí phải trả khác	67.187.426	99.765.503
	780.045.115	463.603.673

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	21.576.000	-
Bảo hiểm y tế	4.045.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.798.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.041.958.120	63.585.916.340
Phải trả theo thỏa thuận đầu tư ⁽¹⁾	7.150.000.000	-
Phải trả Ngân hàng TMCP Nam Việt ⁽²⁾	50.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.514.138	821.086
	76.238.891.758	113.586.737.426

(1) Số dư tại 30/06/2013 phản ánh khoản nhận đầu tư theo quy định tại Thỏa thuận đầu tư giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank và các nhà đầu tư. Thời hạn đầu tư là 07 ngày và Công ty phải phân chia lợi nhuận cho các nhà đầu tư không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty với tỷ lệ 12,5%/năm trên giá trị đầu tư và số ngày đầu tư thực tế.

(2) Số dư tại 30/06/2013 phản ánh khoản nhận đặt cọc tương đương với 25% tổng giá trị mua chứng khoán theo quy định tại Hợp đồng môi giới mua chứng khoán số 01/2012/NAVIS/NAVIBANK ngày 07/09/2012 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank và Ngân hàng TMCP Nam Việt. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank có trách nhiệm tìm kiếm các tổ chức, cá nhân có nhu cầu bán chứng khoán và thực hiện các thủ tục có liên quan để Ngân hàng TMCP Nam Việt mua được chứng khoán theo đặc điểm quy định trong hợp đồng.

15 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012			
Số dư đầu kỳ	161.000.000.000	(36.112.566.100)	124.887.433.900
Lãi trong kỳ	-	477.560.804	477.560.804
Số dư cuối kỳ	161.000.000.000	(35.635.005.296)	125.364.994.704
6 tháng đầu năm 2013			
Số dư đầu kỳ	161.000.000.000	(38.106.810.424)	122.893.189.576
Lỗ trong kỳ	-	(1.434.427.513)	(1.434.427.513)
Số dư cuối kỳ	161.000.000.000	(39.541.237.937)	121.458.762.063

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của Ngân hàng TMCP Nam Việt	10,99%	17.700.000.000	10,99%	17.700.000.000
Vốn góp của Ông Nguyễn Sơn	35,62%	57.350.000.000	35,62%	57.350.000.000
Vốn góp của Bà Quách Thị Nga	26,58%	42.800.000.000	26,58%	42.800.000.000
Vốn góp của Bà Phạm Thị Yến	26,18%	42.150.000.000	26,18%	42.150.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	0,62%	1.000.000.000	0,62%	1.000.000.000
	100%	161.000.000.000	100%	161.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	161.000.000.000	161.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	161.000.000.000	161.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	161.000.000.000	161.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

16 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Doanh thu	9.435.005.446	16.384.563.893
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.533.369.399	3.543.824.521
- Doanh thu hoạt động tư vấn	-	4.242.418.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	573.679.962	-
- Doanh thu khác	4.327.956.085	8.598.321.372
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	9.435.005.446	16.384.563.893

17 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	872.485.175	684.939.730
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	656.670.650	251.513.415
Chi phí khác	688.327.793	5.978.274.276
Chi phí trực tiếp chung	2.649.946.116	2.295.944.538
	4.867.429.734	9.210.671.959

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.983.003.588	1.970.568.601
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	51.427.511	73.718.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.133.901.337	1.585.866.328
Thuế, phí và lệ phí	196.400.345	133.301.381
Chi phí dự phòng	193.235.435	539.423.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.292.798.754	2.221.690.433
Chi phí khác bằng tiền	113.510.858	172.011.726
	5.964.277.828	6.696.580.936

19 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.434.427.513)	477.560.804
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(24.702.776.960)	(22.824.919.408)
- Chuyển lỗ các năm trước	(24.702.776.960)	(22.824.919.408)
Tổng thu nhập tính thuế	(26.137.204.473)	(22.347.358.604)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

11/001
CC
TRÁCH
HÀNH
D. HOA

CC
CỔ
ĐƠN
AN
NH

20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(1.434.427.513)	477.560.804
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.434.427.513)	477.560.804
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	16.100.000	16.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(89)	30

21 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.273.249.762	-	63.962.748.404	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	170.735.315.516	(802.409.401)	228.460.944.814	(609.173.966)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	9.000.000.000	-
	190.008.565.278	(802.409.401)	301.423.693.218	(609.173.966)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	76.270.548.759	187.460.472.226
Chi phí phải trả	780.045.115	463.603.673
	77.050.593.874	187.924.075.899

Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan. Vì vậy, Công ty chưa có căn cứ để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

105
CÔNG TY
KIỂM HỮU
KIỂM T
AS
KIỂM

02
NG
PH
GM
IB

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.273.249.762	-	-	19.273.249.762
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	169.932.906.115	-	-	169.932.906.115
	<u>189.206.155.877</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>189.206.155.877</u>



T
AN
HC
AN
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản trương đương tiền	63.962.748.404	-	-	63.962.748.404
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	227.851.770.848	-	-	227.851.770.848
Đầu tư ngắn hạn	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
	300.814.519.252	-	-	300.814.519.252

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	76.270.548.759	-	-	76.270.548.759
Chi phí phải trả	780.045.115	-	-	780.045.115
	77.050.593.874	-	-	77.050.593.874
Tại 01/01/2013				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	113.592.195.926	73.868.276.300	-	187.460.472.226
Chi phí phải trả	463.603.673	-	-	463.603.673
	114.055.799.599	73.868.276.300	-	187.924.075.899

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

22 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	19.041.958.120	63.585.916.340
	<u>19.041.958.120</u>	<u>63.585.916.340</u>

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

100
CỔ
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
AA
TIN KIẾM

T. C.
IN
A. N.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng			Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Hoạt động môi giới VND	VND	Các hoạt động khác VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	4.533.369.399	4.307.560.776	594.075.271	9.435.005.446	9.435.005.446
Chi phí bộ phận trực tiếp	872.485.175	656.670.650	688.327.793	2.217.483.618	2.217.483.618
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	8.614.223.944
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.660.884.224	3.650.890.126	(94.252.522)	7.217.521.828	(1.396.702.116)
Tài sản bộ phận trực tiếp	20.084.738.168	170.351.340.095	-	190.436.078.263	190.436.078.263
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	8.337.684.397
Tổng tài sản	20.084.738.168	170.351.340.095	-	190.436.078.263	198.773.762.660
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	19.041.958.120	57.169.514.138	-	76.211.472.258	76.211.472.258
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.103.528.339
Tổng nợ phải trả	19.041.958.120	57.169.514.138	-	76.211.472.258	77.315.000.597

Theo khu vực địa lý:

	Hàng		Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Hà Nội VND	Hồ Chí Minh VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	5.762.467.119	3.672.538.327	9.435.005.446	9.435.005.446
Tài sản bộ phận	158.014.454.159	40.759.308.501	198.773.762.660	198.773.762.660
Nợ phải trả bộ phận	14.720.053.835	62.594.946.762	77.315.000.597	77.315.000.597

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	6 tháng	6 tháng	
	đầu năm 2013	đầu năm 2012	
	VND	VND	
Chi phí lãi phải trả			
- Ngân hàng TMCP Nam Việt	Cổ đông góp vốn	8.879.252	4.867.455.487

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2013	01/01/2013	
	VND	VND	
Phải thu			
- Ngân hàng TMCP Nam Việt	Cổ đông góp vốn	-	19.475.806
Phải trả			
- Ngân hàng TMCP Nam Việt	Cổ đông góp vốn	50.000.000.000	50.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng	6 tháng
	đầu năm 2013	đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	772.850.000	832.300.000

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

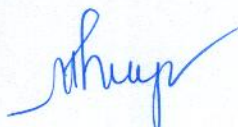
Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Người lập

TP. Tài chính - Kế toán



Nguyễn Thanh Minh



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013



Phạm Ngọc Thắng